# Kinh tụng Vi Diệu Pháp - Tập 2 {Việt Pāli Anh} (HT Bửu Chánh)

*Nikaya — bài lẻ & đối chiếu*

KINH TỤNG VI DIỆU PHÁP BÀI 2: GỒM PHÁP ABHIDHAMMA

1. Tâm tham thọ hỷ hợp tà vô trợ. Somanassasahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by joy, associated with wrong view, unprompted. Tâm tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ. Somanassasahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by joy, associated with wrong view, prompted. Tâm tham thọ hỷ ly tà vô trợ. Somanassasahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by joy, dissociated from wrong view, unprompted. Tâm tham thọ hỷ ly tà hữu trợ. Somanassasahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by joy, dissociated from wrong view, prompted. Tâm tham thọ xả hợp tà vô trợ. Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by equanimity, associated with wrong view, unprompted. Tâm tham thọ xả hợp tà hữu trợ. Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by equanimity, associated with wrong view, prompted. Tâm tham thọ xả ly tà vô trợ. Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by equanimity, disssociated from wrong view, unprompted. Tâm tham thọ xả hợp tà hữu trợ. Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by equanimity, disssociated from wrong view, prompted. Gồm lại gọi là 8 tâm tham. Aṭṭha lobhamūlacittāni.

Together they form the eight kinds of consciousness rooted in greed.

2. Tâm sân thọ ưu hợp phấn vô trợ. Domanassasahagataṃ paṭighasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by displeasure, associated with aversion, unprompted. Tâm sân thọ ưu hợp phấn hữu trợ. Domanassasahagatam paṭighasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by displeasure, associated with aversion, prompted. Gồm lại gọi là 2 tâm sân. Dve dosamūlacittāni. Together they form the two kinds of consciousness rooted in hatred.

3. Tâm si thọ xả hợp hoài nghi.
Upekkhāsahagataṃ vicikicchàsampayuttaṃ ekaṃ.
One consciousness, accompanied by equanimity, associated with doubt.
Tâm si thọ xả hợp phóng dật.
Upekkhāsahagataṃ uddhaccasampayuttaṃ ekaṃ.
One consciousness, accompanied by equanimity, associated with restlessness.
Gồm lại gọi là 2 tâm si.
Dve mohamūlacittāni.
Together they form the two types of consciousness rooted in delusion.

4. 8 tâm tham.
Aṭṭha lobhamūlacittāni.
The eight types of consciousness rooted in greed.
2 tâm sân.
Dve dosamūlacittāni.
The two tpyes of consciousness rooted in hatred.
2 tâm si.
Dve mohamūlacittāni.
The two types of consciousness rooted in delusion.
Gồm lại gọi là 12 tâm bất thiện.
Dvādasa akusalacittāni.
Together they form the twelve types of unwholesome consciousness.
5. Tâm nhãn thức thọ xả quả bất thiện vô nhân.
Upekkhāsahagataṃ cakkhuviññāṇaṃ.
Eye-consciousness accompanied by equanimity.
Tâm nhĩ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân.
Upekkhāsahagataṃ sotaviññāṇaṃ.
Ear-consciousness accompanied by equanimity.
Tâm tỷ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân.
Upekkhāsahagataṃ ghānaviññāṇaṃ.
Nose-consciousness accompanied by equanimity.
Tâm thiệt thức thọ xả quả bất thiện vô nhân.
Upekkhāsahagataṃ jivhāviññāṇaṃ.
Tongue-consciousness accompanied by equanimity.
Tâm thân thức thọ khổ quả bất thiện vô nhân.
Dukkhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ.
Body-consciousness accompanied by pain.
Tâm tiếp thâu thọ xả quả bất thiện vô nhân.
Upekkhāsahagataṃ sampaṭicchanacittaṃ.
Receiving consciousness accompanied by equanimity.
Tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân.
Upekkhāsahagataṃ santīraṇacittaṃ.
Gồm lại gọi là 7 tâm quả bất thiện vô nhân.
Satta akusalavipākacittāni.
Together they form the group of seven unwholesome resultant consciousness.
6. Tâm nhãn thức thọ xả quả thiện vô nhân.
Upekkhāsahagataṃ cakkhuviññàṇaṃ.
Eye-consciousness accompanied by equanimity.
Tâm nhĩ thức thọ xả quả thiện vô nhân.

Upekkhāsahagataṃ sotaviññāṇaṃ.
Ear-consciousness accompanied by equanimity.
Tâm tỷ thức thọ xả quả thiện vô nhân.
Upekkhāsahagataṃ ghānaviññāṇaṃ.
Nose-consciousness accompanied by equanimity.
Tâm thiệt thức thọ xả quả thiện vô nhân.
Upekkhāsahagataṃ jivhāviññāṇaṃ.
Tongue-consciousness accompanied by equanimity.
Tâm thân thức thọ lạc quả thiện vô nhân.
Sukhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ.
Body-consciousness accompanied by pleasure.
Tâm tiếp thâu thọ xả quả thiện vô nhân.
Upekkhāsahagataṃ sampaṭicchanacittaṃ.
Receiving consciousness accompanied by equanimity.
Tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân.
Upekkhāsahagataṃ santīraṇacittaṃ.
Investigating consciousness accompanied by equanimity.
Tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân.
Somanassasahagataṃ santīraṇacittaṃ.
Investigating consciousness accompanied by joy.
Gồm lại gọi là 8 tâm quả thiện vô nhân.
Aṭṭha kusalavipākāhetukacittāni.
Together they form the group of eight wholesome-resultant rootless consciousnesses.
7. 7 tâm quả bất thiện vô nhân.
Satta akusalavipākacittāni.
The seven unwholesome-resultant consciousnesses.
8 tâm quả thiện vô nhân.
Aṭṭha kusalavipākāhetukacittāni.
The eight wholesome-resultant rootless consciousnesses.
Gồm lại gọi là 15 tâm quả vô nhân.
Pañcadasa ahetukavipākacittāni.
Together they form the group of 15 rootless resultant consciousnesses.
8. Tâm khán ngũ môn thọ xả.
Pañcadvāravajjanacittaṃ.
Five-sense-door adverting consciousness accompanied by equanimity.
Tâm khán ý môn thọ xả.
Manodvāravajjanacittaṃ.
Mind-door adverting consciousness.
Tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ.

Hasituppādacittaṃ.
Smile-producing consciousness accompanied by joy.
Gồm lại gọi là 3 tâm duy tác vô nhân
Tīni ahetukakiriya-cittāni.
Together they form the group of three rootless functional consciousnesses.

9. 15 tâm quả vô nhân.
Pañcadasa ahetukavipākacittāni.
The fifteen rootless resultant consciousnesses.
3 tâm duy tác vô nhân.
Tīni ahetukakiriya-cittāni.
The three rootless functional consciousnesses.
Gồm lại gọi là 18 tâm vô nhân.
Aṭṭhārasa ahetukacittāni.
Together they form the group of eighteen rootless consciousnesses.
10. 12 tâm bất thiện.
Dvādasa akusalacittāni.
The group of twelve unwholesome consciousnesses 18 tâm vô nhân.
Aṭṭhārasa ahetukacittāni.
The group of eighteen rootless consciousnesses.
Gồm lại gọi là 30 tâm dục giới vô tịnh hảo.
Tiṃsati kāmāvacara asobhaṇacittāni.
Together they form the group of thirty sense-sphere non-beautiful consciousnesses.
11. Tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ. Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by joy, associated with knowledge, unprompted. Tâm thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ. Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by joy, associated with knowledge, prompted. Tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ. Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by joy, dissociated from knowledge, unprompted. Tâm thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ. Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ ekaṃ.

One consciousness, accompanied by joy, dissociated from knowledge, prompted. Tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ. Upekkhāsasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by equanimity, associated with knowledge, unprompted. Tâm thiện thọ xả hợp trí hữu trợ. Upekkhāsasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by equanimity, associated with knowledge, prompted. Tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ. Upekkhāsasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by equanimity, dissociated from knowledge, unprompted. Tâm thiện thọ xả ly trí hữu trợ. Upekkhāsasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by equanimity, dissociated from knowledge, prompted.

Gồm lại gọi là 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo. Aṭṭha kāmāvacarakusalacittāni. Together they form the group of eight sense-sphere wholesome consciousness with roots.

12. Tâm quả thọ hỷ hợp trí vô trợ. Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by joy, associated with knowledge, unprompted. Tâm quả thọ hỷ hợp trí hữu trợ. Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by joy, associated with knowledge, prompted. Tâm quả thọ hỷ ly trí vô trợ. Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by joy, dissociated from knowledge, unprompted. Tâm quả thọ hỷ ly trí hữu trợ. Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ ekaṃ.

One consciousness, accompanied by joy, dissociated from knowledge, prompted. Tâm quả thọ xả hợp trí vô trợ. Upekkhāsasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by equanimity, associated with knowledge, unprompted. Tâm quả thọ xả hợp trí hữu trợ. Upekkhāsasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by equanimity, associated with knowledge, prompted. Tâm quả thọ xả ly trí vô trợ. Upekkhāsasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by equanimity, dissociated from knowledge, unprompted. Tâm quả thọ xả ly trí hữu trợ. Upekkhāsasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by equanimity, dissociated from knowledge, prompted. Gồm lại gọi là 8 tâm quả dục giới tịnh hảo. Aṭṭha kāmāvacaravipākacittāni. Together they form the group of eight sense-sphere resultant consciousness with roots.

13. Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí vô trợ. Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by joy, associated with knowledge, unprompted. Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí hữu trợ. Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by joy, associated with knowledge, prompted. Tâm duy tác thọ hỷ ly trí vô trợ. Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by joy, dissociated from knowledge, unprompted. Tâm duy tác thọ hỷ ly trí hữu trợ. Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ ekaṃ.

One consciousness, accompanied by joy, dissociated from knowledge, prompted. Tâm duy tác thọ xả hợp trí vô trợ. Upekkhāsasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by equanimity, associated with knowledge, unprompted. Tâm duy tác thọ xả hợp trí hữu trợ. Upekkhāsasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by equanimity, associated with knowledge, prompted. Tâm duy tác thọ xả ly trí vô trợ. Upekkhāsasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by equanimity, dissociated from knowledge, unprompted. Tâm duy tác thọ xả ly trí hữu trợ. Upekkhāsasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ ekaṃ. One consciousness, accompanied by equanimity, dissociated from knowledge, prompted. Gồm lại gọi là 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo. Aṭṭha

kāmāvacarakiriyācittāni. Together they form the group of eight sense-sphere functional consciousness with roots.

14. 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Aṭṭha kāmāvacarakusalacittāni.

The group of eight sense-sphere wholesome consciousness with roots.

8 tâm quả dục giới tịnh hảo.

Aṭṭha kāmāvacaravipākacittāni.

The group of eight sense-sphere resultant consciousness with roots.

8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo.

Aṭṭha kāmāvacarakiriyācittāni.

The group of eight sense-sphere functional consciousness with roots.

Gồm lại gọi là 24 tâm dục giới tịnh hảo.

Catuvīsati kāmāvacarasobhaṇacittāni.

The group of twenty-four sense-sphere consciousness with roots.

15. 30 tâm dục giới vô tịnh hảo.

Tiṃsati kāmāvacara asobhaṇacittāni.

The group of thirty sense-sphere non-beautiful consciousness.

24 tâm dục giới tịnh hảo.

Catuvīsati kāmāvacarasobhaṇacittāni.

The group of twenty-four sense-sphere beautiful consciousness with roots.

Gồm lại gọi là 54 tâm dục giới.

Catuppaññā kāmāvacarāni.

Together they form the group of fifty-four sense-sphere consciousnesses.

16. Tâm thiện sơ thiền sắc giới. Vitakka-vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṁ paṭhamajjhāna kusalacittaṃ. First jhāna wholesome consciousness together with initial application, sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm thiện nhị thiền sắc giới. Vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṁ dutiyajjhāna kusalacittaṃ. Second jhāna wholesome consciousness together with sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm thiện tam thiền sắc giới. Pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṁ tatiyajjhāna kusalacittaṃ. Third jhāna wholesome consciousness together with zest, happiness, and onepointedness. Tâm thiện tứ thiền sắc giới. Sukh'-ekaggatā-sahitaṁ catutthajjāna kusalacittaṃ. Fourth jhāna wholesome consciousness together with happiness and onepointedness. Tâm thiện ngũ thiền sắc giới. Upekkh'-ekaggatā-sahitaṁ pañcajjhāna kusalacittaṃ. Fifth jhāna wholesome consciousness together with equanimity and onepointedness. Gồm lại gọi là 5 tâm thiện sắc giới. Pañca rūpāvacarakusalacittāni. The goup of five fine-material-sphere wholesome consciousnesses.

17. Tâm quả sơ thiền sắc giới. Vitakka-vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṁ paṭhamajjhāna vipākacittaṃ. First jhāna resultant consciousness together with initial

application, sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm quả nhị thiền sắc giới.

Vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṁ dutiyajjhāna vipākacittaṃ. Second jhāna resultant consciousness together with sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm quả tam thiền sắc giới. Pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṁ tatiyajjhāna vipākacittaṃ. Third jhāna resultant consciousness together with zest, happiness, and one pointedness. Tâm quả tứ thiền sắc giới. Sukh'-ekaggatā-sahitaṁ catutthajjāna vipākacittaṃ. Fourth jhāna resultant consciousness together with happiness and onepointedness. Tâm quả ngũ thiền sắc giới. Upekkh'-ekaggatā-sahitaṁ pañcajjhāna vipākacittaṃ. Fifth jhāna resultant consciousness together with equanimity and onepointedness. Gồm lại gọi là 5 tâm quả sắc giới. Pañca rūpāvacaravipākacittāni. Together they form the group of five fine-material-sphere resultant consciousness.

18. Tâm duy tác sơ thiền sắc giới. Vitakka-vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṁ paṭhamajjhāna kiriyācittaṃ. First jhāna functional consciousness together with initial application, sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm duy tác nhị thiền sắc giới. Vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṁ dutiyajjhāna kiriyācittaṃ. Second jhāna functional consciousness together with sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm duy tác tam thiền sắc giới. Pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṁ tatiyajjhāna kiriyācittaṃ. Third jhāna functional consciousness together with zest, happiness, and onepointedness. Tâm duy tác tứ thiền sắc giới. Sukh'-ekaggatā-sahitaṁ catutthajjāna kiriyācittaṃ. Fourth jhāna functional consciousness together with happiness and onepointedness. Tâm duy tác ngũ thiền sắc giới.

Upekkh'-ekaggatā-sahitaṁ pañcajjhāna kiriyācittaṃ. Fifth jhāna functional consciousness together with equanimity and onepointedness. Gồm lại gọi là 5 tâm duy tác sắc giới Pañca rūpāvacarakiriyacittāni. Together they form the group of five fine-material-sphere functional consciousness.

19. 5 tâm thiện sắc giới.
Pañca rūpāvacarakusalacittāni.
The group of five fine-material-sphere wholesome consciousness.
5 tâm quả sắc giới.
Pañca rūpāvacara-vipākacittāni.
The group of five fine-material-sphere resultant consciousness.
5 tâm duy tác sắc giới.
Pañca rūpāvacarakiriyacittāni.
The group of five fine-material-sphere functional consciousness.
Gồm lại gọi là 15 tâm sắc giới
Pañcadasa rūpāvacaracittāni.
Together they form the group of fifteen fine-material-sphere consciousnesses.
20. Tâm thiện không vô biên xứ.

Ākāsānañcāyatanakusalacittaṃ.
Wholesome consciousness pertaining to the base of infinite space.
Tâm thiện thức vô biên xứ.
Viññānañcāyatanakusalacittaṃ.
Wholesome consciousness pertaining to the base of infinite consciousness.
Tâm thiện vô sở hữu xứ.
Ākiñcaññāyatanakusalacittaṃ.
Wholesome consciousness pertaining to the base of nothingness.
Tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ.
N'evasaññān'āsaññāyatanakusalacittaṃ.
Wholesome consciousness pertaining to the base of neither perception nor non-perception.
Gồm lại gọi là 4 tâm thiện vô sắc giới
Cattāri arūpāvacara-kusalacittāni.
Together they form the group of four immaterial-sphere wholesome consciousnesses.

21. Tâm quả không vô biên xứ.
Ākāsānañcāyatanavipākacittaṃ.
Resultant consciousness pertaining to the base of infinite space.
Tâm quả thức vô biên xứ.
Viññānañcāyatanavipākacittaṃ.
Resultant consciousness pertaining to the base of infinite consciousness.
Tâm quả vô sở hữu xứ.
Ākiñcaññāyatanavipākacittaṃ.
Resultant consciousness pertaining to the base of nothingness.
Tâm quả phi tưởng phi phi tưởng xứ.
N'evasaññān'āsaññāyatanavipākacittaṃ.
Resultant consciousness pertaining to the base of neither perception nor non-perception.
Gồm lại gọi là 4 tâm quả vô sắc giới
Cattāri arūpāvacara-vipākacittāni.
Together they form the group of four immaterial-sphere resultant consciousnesses.
22. Tâm duy tác không vô biên xứ.
Ākāsānañcāyatanakiriyācittaṃ.
Functional consciousness pertaining to the base of infinite space.
Tâm duy tác thức vô biên xứ.
Viññānañcāyatanakiriyācittaṃ.
Functional consciousness pertaining to the base of infinite consciousness.
Tâm duy tác vô sở hữu xứ.
Ākiñcaññāyatanakiriyācittaṃ.

Functional consciousness pertaining to the base of nothingness.
Tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ.
N’evasaññān’āsaññāyatanakiriyācittaṃ.
Functional consciousness pertaining to the base of neither perception nor non-perception.
Gồm lại gọi là 4 tâm duy tác vô sắc giới
Cattāri arūpāvacara-kiriyācittāni.
The group of four immaterial-sphere functional consciousnesses.
23. 4 tâm thiện vô sắc giới.
Cattāri arūpāvacarakusalacittāni.
The group of four immaterial-sphere wholesome consciousnesses.
4 tâm quả vô sắc giới.
Cattāri arūpāvacara-vipākacittāni.
Thegroup of four immaterial-sphere resultant consciousnesses.
4 tâm duy tác vô sắc giới.
Cattāri arūpāvacara-kiriyācittāni.
The group of four immaterial-sphere functional consciousnesses.
Gồm lại gọi là 12 tâm vô sắc giới
Dvādasa arūpāvacaracittāni.
Together they form the group of twelve immaterial-sphere consciousnesseses.
24. 15 tâm sắc giới.
Paṇṇarasāni rūpāvacaracittāni
The fifteen fine-material-sphere consciousnesses.
12 tâm vô sắc giới.
Dvādasa arūpāvacaracittāni.
The twelve immaterial-sphere consciousnesses.
Gồm lại gọi là 27 tâm đáo đại
Sattavīsati mahaggatacittāni.
Together they form the group of twenty-seven sublime consciousnesses.
25. 54 tâm dục giới.
Catupaññāsā kāmāvacaracittāni.
The group of fifty-four sense-sphere consciousnesses.
27 tâm đáo đại.
Sattavīsati mahaggatacittāni.
The group of twenty-seven sublime consciousnesses.
Gồm lại gọi là 81 tâm hiệp thế
Ekāsīti lokiyacittāni.
Together they form group of eighty-one mundane consciousnesses.

26. Tâm sơ đạo sơ thiền. Vitakka-vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ paṭhamajjhāna sotāpattimaggacittaṃ.

The first jhāna path consciousness of stream-entry together with initial application, sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm sơ đạo nhị thiền. Vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ dutiyajjhāna sotāpattimaggacittaṃ. The second jhāna path consciousness of stream-entry together with sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm sơ đạo tam thiền. Pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ tatiyajjhāna sotāpattimaggacittaṃ. The third jhāna path consciousness of stream-entry together with zest, happiness, and one-pointedness. Tâm sơ đạo tứ thiền. Sukh'-ekaggatā-sahitaṃ catutthajjhāna sotāpattimaggacittaṃ. The fourth jhāna path consciousness of stream-entry together with happiness and one-pointedness. Tâm sơ đạo ngũ thiền. Upekkh'- ekaggatā-sahitaṃ pañcamajjhāna sotāpattimaggacittaṃ. The fifth jhāna path consciousness of stream-entry together with equanimity and one-pointedness. Gồm lại gọi là 5 tâm sơ đạo. Pañca sotāpattimaggacittāni The five path consciousnesses of stream-entry.

27. Tâm nhị đạo sơ thiền. Vitakka-vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ paṭhamajjhāna sakadāgāmimaggacittaṃ. The first jhāna path consciousness of once-returning together with initial application, sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm nhị đạo nhị thiền. Vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ dutiyajjhāna sakadāgāmimaggacittaṃ. The second jhāna path consciousness of once-returning together with sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm nhị đạo tam thiền. Pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ tatiyajjhāna sakadāgāmimaggacittaṃ. The third jhāna path consciousness of once-returning together with zest, happiness, and one-pointedness. Tâm nhị đạo tứ thiền. Sukh'-ekaggatā-sahitaṃ catutthajjhāna sakadāgāmimaggacittaṃ.

The fourth jhāna path consciousness of once-returning together with happiness and one-pointedness. Tâm nhị đạo ngũ thiền. Upekkh'- ekaggatā-sahitaṃ pañcamajjhāna sakadāgāmimaggacittaṃ. The fifth jhāna path consciousness of once-returning together with equanimity and one-pointedness. Gồm lại gọi là 5 tâm nhị đạo Pañca sakadāgāmimaggacittāni. Together they form the five path consciousnesses of once-returning.

28. Tâm tam đạo sơ thiền. Vitakka-vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ paṭhamajjhāna anāgāmimaggacittaṃ. The first jhāna path consciousness of non-returning together with initial application, sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm tam đạo nhị thiền. Vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ dutiyajjhāna anāgāmimaggacittaṃ. The second jhāna path consciousness of non-returning together with sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm tam đạo tam thiền. Pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ tatiyajjhāna anāgāmimaggacittaṃ. The third jhāna path consciousness of non-returning together with zest, happiness, and one-pointedness. Tâm tam đạo tứ thiền. Sukh'-ekaggatā-sahitaṃ catutthajjhāna anāgāmimaggacittaṃ. The fourth jhāna path consciousness of non-returning together

with happiness and one-pointedness. Tâm tam đạo ngũ thiền. Upekkh'-ekaggatā-sahitaṃ pañcamajjhāna anāgāmimaggacittaṃ. The fifth jhāna path consciousness of non-returning together with equanimity and one-pointedness. Gồm lại gọi là 5 tâm tam đạo Pañca anāgāmimaggacittāni. Together they form the five path consciousnesses of non-returning.

29. Tâm tứ đạo sơ thiền. Vitakka-vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ paṭhamajjhāna arahattamaggacittaṃ.

The first jhāna path consciousness of arahantship together with initial application, sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm tứ đạo nhị thiền. Vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ dutiyajjhāna arahattamaggacittaṃ. The second jhāna path consciousness of arahantship together with sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm tứ đạo tam thiền. Pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ tatiyajjhāna arahattamaggacittaṃ. The third jhāna path consciousness of arahantship together with zest, happiness, and one-pointedness. Tâm tứ đạo tứ thiền. Sukh'-ekaggatā-sahitaṃ catutthajjhāna arahattamaggacittaṃ. The fourth jhāna path consciousness of arahantship together with happiness and one-pointedness. Tâm tứ đạo ngũ thiền. Upekkh'- ekaggatā-sahitaṃ pañcamajjhāna arahattamaggacittaṃ. The fifth jhāna path consciousness of arahantship together with equanimity and one-pointedness. Gồm lại gọi là 5 tâm tứ đạo. Pañca arahattamaggacittāni. The five path consciousnesses of arahantship.

30. 5 tâm sơ đạo.
Pañca sotāpattimaggacittāni.
The five path consciousnesses of stream-entry.
5 tâm nhị đạo.
Pañca sakadāgāmimaggacittāni.
The five path consciousnesses of once-returning.
5 tâm tam đạo.
Pañca anāgāmimaggacittāni.
The five path consciousnesses of non-returning.
5 tâm tứ đạo.
Pañca arahattamaggacittāni.
The five path consciousnesses of arahantship.
Gồm lại gọi là 20 tâm đạo.
Vīsati maggacittāni.
Together they form the group of twenty supramundane wholesome consciousnesses.

31. Tâm sơ quả sơ thiền. Vitakka-vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ paṭhamajjhāna sakadāgāmiphalacittaṃ. The first jhāna fruition consciousness of once-returning together with initial application, sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm sơ quả nhị thiền. Vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ dutiyajjhāna sakadāgāmiphalacittaṃ. The second jhāna fruition consciousness of

once-returning together with sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm sơ quả tam thiền. Pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ tatiyajjhāna sakadāgāmiphalacittaṃ. The third jhāna fruition consciousness of once-returning together with zest, happiness, and one-pointedness. Tâm sơ quả tứ thiền. Sukh'-ekaggatā-sahitaṃ catutthajjhāna sakadāgāmiphalacittaṃ. The fourth jhāna fruition consciousness of once-returning together with happiness and one-pointedness. Tâm sơ quả ngũ thiền. Upekkh'- ekaggatā-sahitaṃ pañcamajjhāna sakadāgāmiphalacittaṃ. The fifth jhāna fruition consciousness of once-returning together with equanimity and onepointedness. Gồm lại gọi là 5 tâm sơ quả Pañca sotāpatti-phalacittāni. Together they form the group of five fruition consciousness of stream-entry.

32. Tâm nhị quả sơ thiền. Vitakka-vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ paṭhamajjhāna sakadāgāmiphalacittaṃ. The first jhāna fruition consciousness of once-returning together with initial application, sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm nhị quả nhị thiền. Vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ dutiyajjhāna sakadāgāmiphalacittaṃ. The second jhāna fruition consciousness of once-returning together with sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm nhị quả tam thiền.

Pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ tatiyajjhāna sakadāgāmiphalacittaṃ. The third jhāna fruition consciousness of once-returning together with zest, happiness, and one-pointedness. Tâm nhị quả tứ thiền. Sukh'-ekaggatā-sahitaṃ catutthajjhāna sakadāgāmiphalacittaṃ. The fourth jhāna fruition consciousness of once-returning together with happiness and one-pointedness. Tâm nhị quả ngũ thiền. Upekkh'-ekaggatā-sahitaṃ pañcamajjhāna sakadāgāmiphalacittaṃ. The fifth jhāna fruition consciousness of once-returning together with equanimity and onepointedness. Gồm lại gọi là 5 tâm nhị quả Pañca sakadāgāmiphalacittāni. These are in total the five types of fruition consciousness of once-returning.

33. Tâm tam quả sơ thiền. Vitakka-vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ paṭhamajjhāna anāgāmiphalacittaṃ. The first jhāna fruition consciousness of non-returning together with initial application, sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm tam quả nhị thiền. Vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ dutiyajjhāna anāgāmiphalacittaṃ. The second jhāna fruition consciousness of non-returning together with sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm tam quả tam thiền. Pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ tatiyajjhāna anāgāmiphalacittaṃ. The third jhāna fruition consciousness of non-returning together with zest, happiness, and one-pointedness. Tâm tam quả tứ thiền. Sukh'-ekaggatā-sahitaṃ catutthajjhāna anāgāmiphalacittaṃ. The fourth jhāna fruition consciousness of non-returning together with happiness and one-pointedness. Tâm tam quả ngũ thiền. Upekkh'-ekaggatā-sahitaṃ pañcamajjhāna anāgāmiphalacittaṃ. The fifth jhāna fruition consciousness of non-returning together with equanimity and one-pointedness. Gồm lại gọi là 5 tâm tam quả

Pañca anāgāmiphalacittāni. Together they form the five types of fruition consciousness of non- returning.

34. Tâm tứ quả sơ thiền. Vitakka-vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ paṭhamajjhāna arahattaphalacittaṃ. The first jhāna fruition consciousness of arahantship together with initial application, sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm tứ quả nhị thiền. Vicāra-pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ dutiyajjhāna arahattaphalacittaṃ. The second jhāna fruition consciousness of arahantship together with sustained application, zest, happiness, and one-pointedness. Tâm tứ quả tam thiền. Pīti-sukh'-ekaggatā-sahitaṃ tatiyajjhāna arahattaphalacittaṃ. The third jhāna fruition consciousness of arahantship together with zest, happiness, and one-pointedness. Tâm tứ quả tứ thiền. Sukh'-ekaggatā-sahitaṃ catutthajjhāna arahattaphalacittaṃ. The fourth jhāna fruition consciousness of arahantship together with happiness and one-pointedness. Tâm tứ quả ngũ thiền. Upekkh'-ekaggatā-sahitaṃ pañcamajjhāna arahattaphalacittaṃ. The fifth jhāna fruition consciousness of arahantship together with equanimity and one-pointedness. Gồm lại gọi là 5 tâm tứ quả. Pañca arahattaphalacittāni. Together they form the five types of fruition consciousness of arahantship.

35. 5 tâm sơ quả.
Pañca sotāpattiphalacittāni.
The five fruition consciousnesses of stream-entry.
5 tâm nhị quả.
Pañca sakadāgāmiphalacittāni.
The five fruition consciousnesses of once-returning.
5 tâm tam quả.
Pañca anāgāmiphalacittaṃ.
The five types of fruition consciousness of non-returning.
5 tâm tứ quả.
Pañca arahattaphalacittaṃ.
The five fruition consciousnesses of arahantship.
Gồm lại gọi là 20 tâm quả siêu thế
Vīsati phalacittāni.
The twenty types of supramundane fruition consciousness.
36. 20 tâm đạo.
Vīsati maggacittāni.
The twenty types of supramundane path consciousness.
20 tâm quả siêu thế.
Vīsati phalacittāni.
The twenty types of supramundane fruition consciousness.
Gồm lại gọi là 40 tâm siêu thế
Cattālīsā lokuttaracittāni.

The forty supramundane consciousnesses.
37. 81 tâm hiệp thế.
Akāsīti lokiyacittāni.
The eighty-one types of mundane consciousness.
40 tâm siêu thế.
Cattālīsā lokuttaracittāni.
The forty types of supramundane consciousness.
Gồm lại gọi là 121 tâm
Ekavīsatyuttarasata cittāni.
The one hundred and twenty-one types of consciousness.
38. Xúc - phassa - contact.
Thọ - vedanā - feeling.
Tưởng- saññā - perception.
Tư - cetanā - volition.
Nhất hành - ekaggatā - one-pointedness.
Mạng quyền - jīvitindriya - mental life faculty.
Tác ý - manasikāra - attention.
Gồm lại gọi là 7 sở hữu biến hành
Satta sabbacittasādhāraṇacetasikā.
The seven universals.
39. Tầm - vitakka - initial application.
Tứ - vicāra - sustained application.
Thắng giải - - adhimokkha - decision.
Cần - viriya - energy.
Hỷ - pīti - bliss, rapture, joy.
Dục - chanda - desire.
Gồm lại gọi là 6 sở hữu biệt cảnh
Cha pakiṇṇakacetasikā.
The six occasionals.
40. 7 sở hữu biến hành.
Satta sabbacittasādhāraṇacetasikā.
The seven universals.
6 sở hữu biệt cảnh.
Cha pakiṇṇakacetasikā.
The six occasionals.
Gồm lại gọi là 13 sở hữu tợ tha
Terasa aññasamānacetasikā.
The thirteen ethically variable factors.
41. Si - moha - delusion, ignorance.

Vô tàm - ahirika - shamelessness.
Vô úy - anottappa - fearlessness of wrong-doing.
Phóng dật - uddhacca - restlessness.
Gồm lại gọi là 4 bất thiện biến hành
Catu akusala-sādhāraṇacetasikā = mocatukka.
The group of four universal unwholesome mental factors.
42. Tham - lobha - greed, attachment.
Tà kiến - diṭṭhi - wrong view.
Ngã mạn - māna - conceit.
Gồm lại gọi là 3 sở hữu tham phần
Lotikacetasikā
The group of three mental factors headed by greed.
43. Sân - dosa - hatred, aversion, anger. Tật - issā - envy, jealousy.

Lận - macchariya - avarice, stinginess.
Hối - kukkucca - worry, scruples, remorse.
Gồm lại gọi là sở hữu sân phần
Docatukkacetasikā.
The group of four mental factors headed by hatred.
44. Hôn trầm - thīna - sloth.
Thụy miên - middha - torpor.
Gồm lại gọi là 2 sở hữu hôn phần
Thīdukacetasikā.
Two mental factors of the sloth-group.
45. Sở hữu hoài nghi có 1 - vicikicchā - doubt.

46. 4 sở hữu bất thiện biến hành.
Catu akusala-sādhāraṇacetasikā = mocatukacetasikā.
The four universal unwholesome mental factors.
3 sở hữu tham phần.
Lotikacetasikā = lobha-tri
A group of three mental factors headed by greed.
(or three mental factors of the greed-group.
4 sở hữu sân phần.
Dosa-catukacetasikā.
A group of four mental factors headed by hatred.
Or four mental factors of the hatred-group.
2 sở hữu hôn phần.
Thīdukacetasikā.
Two mental factors of sloth-group.
1 sở hữu hoài nghi.

Vicikicchācetasika.
Doubt.
Gồm lại gọi là 14 sở hữu bất thiện
Cuddasa akusalacetasikā.
The group of fourteen unwholesome mental factors.
47. Tín - saddhā - faith Niệm - sati - mindfulness.

Tàm - hiri - shame. Uý - otappa - fear of wrong-doing. Vô tham - lobha - non-greed. Vô sân - dosa - non-hatred. Hành xả - tatramajjhattatā - neutrality of mind. Tịnh thân - kāyapassaddhi - tranquility of the (mental body. Tịnh tâm - cittapassaddhi - tranquility of consciousness. Khinh thân - kāyalahutā - lightness of the (mental body. Khinh tâm - cittalahutā - lightness of consciousness. Nhu thân - kāyamuditā - malleability of the (mental body. Nhu tâm - cittamuditā - malleability of consciousness. Thích thân - kāyakammaññatā - wieldiness of the (mental body. Thích tâm - cittakammaññatā- wieldiness of consciousness. Thuần thân - kāyapaguññatā - proficiency of the (mental body. Thuần tâm - cittapaguññatā - proficiency of consciousness. Chánh thân - kāyujjukatā - rectitude of the (mental body. Chánh tâm - cittujjukatā - rectitude of consciousness. Gồm lại gọi là 19 sở hữu tịnh hảo biến hành Ekūnavīsati sobhaṇasādhāraṇacetasikā The nineteen universal beautiful factors.

48. Chánh ngữ - sammāvācā - right speech.
Chánh nghiệp - sammākammanto - right action.
Chánh mạng - sammā-ājīvo - right livelihood.
Gồm lại gọi là 3 sở hữu giới phần
Tisso viratiyo cetasikā
The three abstinences.
49. Bi - karuṇā - compassion.
Tùy hỷ - muditā - appreciative joy.
Gồm lại gọi là 2 sở hữu vô lượng phần
Dve appamaññā cetasikā.
The two illimitables
50. Sở hữu trí tuệ có 1 - paññā - wisdom.

51. 19 sở hữu tịnh hảo. Ekūnavīsati sobhanasādhāraṇā cetasikā.

The nineteen universal beautiful mental factors.
3 sở hữu giới phần.
Tisso viratiyo cetasikā.
The three abstinences.
2 sở hữu vô lượng phần.
Dve appamaññā cetasikā.
The two illimitables 1 sở hữu trí tuệ.
Paññā cetasika.

Wisdom.
Gồm lại gọi là 25 sở hữu tịnh hảo
Pañcavīsati sobhanacetasikā.
The twenty-five beautiful mental factors.
52. 13 sở hữu tợ tha.
Terasa aññasamānacetasikā.
The thirteen ethically variable mental factors.
14 sở hữu bất thiện.
Cuddasa akusalacetasikā.
The fourteen unwholesome mental factors.
25 sở hữu tịnh hảo.
Pañcavīsati sobhanacetasikā.
The twenty-five wholesome mental factors.
Gồm lại gọi là 52 sở hữu tâm
Dvi-paññāsā cetasikā
The fifty-two mental factors.
53. 121 tâm.
Ekavīsasatāni cittāni.
121 types of consciousness.
52 sở hữu tâm.
Dvi-paññāsā cetasikā.
The fifty-two mental factors.
Gồm lại gọi là 173 danh pháp
Tesattatyuttarasatā nāmadhammā.
The one hundred and seventy-three mental phenomena.
54. Sắc đất - paṭhavīdhātu - the earth element.
Sắc nước - āpodhātu - the water element.
Sắc lửa - tejodhātu - the fire element.
Sắc gió - vāyodhātu - the air element.
Gồm lại gọi là 4 sắc tứ đại
Cattāri mahābhūtāni.
The four great essentials.
55. Sắc thần kinh nhãn.
Cakkhu-pasāda.
Eye-sensitivity.
Sắc thần kinh nhĩ.
Sotapasāda.
Ear-sensitivity.
Sắc thần kinh tỷ.

Ghānapasāda.
Nose-sensitivity.
Sắc thần kinh thiệt.
Jivhā-pasāda.
Tongue-sensitivity.
Sắc thần kinh thân.
Kāya-pasāda.
Body-sensitivity.
Gồm lại gọi là 5 sắc thần kinh
Pañca pasādarūpāni.
The five kinds of sensitive material phenomena.
56. Sắc cảnh sắc - rūpaṁ - visible form.
Sắc cảnh thinh - saddo - sound.
Sắc cảnh khí - gandho - smell.
Sắc cảnh vị - raso - taste.
Gồm lại gọi là 4 sắc cảnh giới
Cattāri gocararūpāni.
The four kinds of objective material phenomena.
57. Sắc nam tính. Purisa-bhāva-rūpa. Masculinity, the characteristic of the male sex.

Sắc nữ tính.
Itthi bhāva-rūpa.
Femininity, the characteristic of the female sex.
Gồm lại gọi là 2 sắc tính
Dve bhāvarūpāni.
Two kinds of material phenomena of sex.
58. Sắc ý vật có 1. Hadayarūpaṃ. Material phenomenon of the heart.

59. Sắc mạng quyền có 1. Jīvitindriyaṃ. The life faculty.

60. Sắc vật thực có 1. Kabaḷīkārāhāro. Edible food.

61. Sắc hư không có 1. Ākāsadhātu. The space element.

62. Sắc thân biểu tri.
Kāyaviññatti.
Bodily intimation.
Sắc khẩu biểu tri.
Vacīviññatti.
Vocal intimation.
Gồm lại gọi là 2 sắc biểu tri
Dve viññattirūpāni.
Two kinds of intimating material phenomena.

63. Sắc khinh - lahutā - lightness.
Sắc nhu - mudutā - malleability.
Sắc thích nghiệp - kammaññatā - wieldiness.
Gồm lại gọi là 3 sắc đặc biệt
Tīni vikārarūpāni. The three kinds of mutable material phenomena.

64. Sắc sinh - upacaya - production.
Sắc tiến - santati- continuity.
Sắc dị - jaratā - decay.
Sắc diệt - aniccatā - impermanence.
Gồm lại gọi là 4 sắc tứ tướng
Cattāri lakkhaṇarūpāni.
The four kinds of characteristics of material phenomena.
65. 5 sắc thần kinh.
Pañca pasādarūpāni.
The five kinds of sensitive material phenomena.
4 sắc cảnh giới.
Cattāri gocararūpāni.
The four kinds of objective material phenomena.
2 sắc tính.
Dve bhāvarūpāni.
Two kinds of material phenomena of sex.
1 sắc ý vật.
Hadayarūpaṃ.
Material phenomenon of the heart.
1 sắc mạng quyền.
Jīvitindriyaṃ.
The life faculty.
1 sắc vật thực.
Kabaḷīkārāhāro.
Edible food.
1 sắc hư không.
Ākāsadhātu.
The space element.
2 sắc biểu tri.
Dve viññattirūpāni.
Two kinds of intimating material phenomena.
3 sắc đặc biệt.
Tīni vikārarūpāni.
The three kinds of mutable material phenomena.

4 sắc tứ tướng.
Cattāri lakkhaṇarūpāni.
The four kinds of characteristics of material phenomena.
Gồm lại gọi là 24 sắc y đại sinh
Catuvīsati upādāyarūpāni.
The twenty-four kinds of derived material phenomena.
66. 4 sắc tứ đại.
Cattāri mahābhūtāni = bhūtarūpāni.
The four great essentials.
24 sắc y đại sinh.
Catuvīsati upādāyarūpāni.
The twenty-four kinds of derived material phenomena.
Gồm lại gọi là 28 sắc pháp.
Aṭṭhavīsati rūpāni.
The twenty-eight types of material phenomena.
67. 173 danh pháp.
Tesattatyuttarasatā nāmā.
One hundred and seventy-three kinds of name/mind.
28 sắc pháp.
Aṭṭhavīsati rūpāni.
The twenty-eight types of material phenomena.
Gồm lại gọi là 201 chơn đế hữu vi
Ekuttaradvisataṃ saṅkhātaṃ.
Two hundred and one kinds of conditioned.
68. 1 chơn đế vô vi.
Ekaṃ asaṅkhātaṃ.
One unconditioned.
201 chơn đế hữu vi.
Ekuttaradvisata saṅkhātaṃ.
Two hundred and one kinds of conditioned.
Gồm lại gọi là 202 pháp chơn đế.
Dvi-uttaradvisatā paramatthā.
Two hundred and two kinds of ultimate truth.
69. Danh chơn chế định.
Vijjamānapaññatti.
A concept of the real.
Phi danh chơn chế định.
Avijjamāna paññatti.
A concept of the unreal.

Danh chơn phi danh chơn chế định.
Vijjāmāna avijjāmāna paññatti.
A concept of the unreal by means of the real.
Phi danh chơn danh chơn chế định.
Avijjāmāna vijjāmāna paññatti.
A concept of the real by means of the unreal.
Danh chơn danh chơn chế định.
Vijjāmāna vijjāmāna paññatti.
A concept of the real by means of the real.
Phi danh chơn phi danh chơn chế định.
Avijjāmāna avijjāmāna paññatti.
A concept of the unreal by means of the unreal.
Gồm lại gọi là 6 danh chơn chế định
Cha nāmapaññattī.
The six kinds of concept-as-name.
70. Hình thức chế định.
Santhānā paññatti.
Concepts of continuity or formal concepts.
Hiệp thành chế định.
Samūha paññatti.
Collective concepts.
Chúng sanh chế định.
Satta paññatti.
Concepts of a living being.
Phương hướng chế định.
Disā paññatti.
Directional concepts or local concepts.
Thời gian chế định.
Kāla paññatti.
Time concepts.
Hư không chế định,
Ākāsa paññatti.
Space concepts.
Hình tướng chế định.
Nimitta paññatti.
Sign concepts or conceptualized images, visualized images.
Gồm lại gọi là 7 nghĩa chế định.
Satta atthapaññattī.
Seven kinds of concept-as-meaning.

71. 6 danh chế định.
Cha nāmapaññattī.
The six kinds of concept-as-name.
7 nghĩa chế định.
Satta atthapaññattī.
Seven kinds of concept-as-meaning.
Gồm lại gọi là 13 pháp tục đế.
Terasa sammuttisaccāni.
Thirteen kinds of conventional truth.
72. 202 pháp chơn đế.
Dviuttaradvisatā paramatthā.
Two hundred and two kinds of ultimate truth.
13 pháp tục đế.
Terasa sammuttisaccāni.
Thirteen kinds of conventional truth.
Gồm lại gọi là 215 pháp./.
Pañcadasuttaradvisatā dhammā.
The two hundred and fifteen kinds of law of nature.

*Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.*